

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ANQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO - sau khi  
hợp thẩm tra của Ban  
Pháp chế HĐND tỉnh

## NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan  
hành chính nhà nước của tỉnh Bình Phước năm 2024

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và  
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính  
trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính  
trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội ở  
Trung ương và các Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai  
đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính  
phủ về quy định về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 70-QĐ/BTCTW ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban  
Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 2480-QĐ/BTCTW ngày 22 tháng 12 năm 2023 của  
Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Bình Phước năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 180-KH/TU ngày 24 ngày 8 năm 2023 của Ban Thường  
vụ Tỉnh ủy về sử dụng, quản lý biên chế năm 2023 và giai đoạn 2024 - 2026;

Căn cứ các Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm  
2023, năm 2024 và giai đoạn 2023 - 2026<sup>1</sup>;

<sup>1</sup> Quyết định số 1261-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Bù Gia Mập, Quyết định số 1262-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối thành phố Đồng Xoài, Quyết định số 1263-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với thị xã Bình Long, Quyết định số 1264-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với thị xã Phước Long, Quyết định số 1266-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Đồng Phú, Quyết định số 1267-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Hớn Quản, Quyết định số 1268-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Lộc Ninh, Quyết định số 1269-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Bù Đăng, Quyết định

*Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh năm 2024 là: **1.790** biên chế (*trong đó: cấp tỉnh: 944 biên chế; cấp huyện: 846 biên chế*).

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá X, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày ... tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Nội vụ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

#### **CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thị Hằng**

số 1278-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Bù Đốp, Quyết định số 1281-QĐ/TU ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với huyện Phú Riềng, Quyết định số 1282-QĐ/TU ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giao biên chế năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023-2026 đối với thị xã Chơn Thành, Quyết định số 1271-QĐ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về biên chế của chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân), đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh năm 2023, năm 2024 và giai đoạn 2023 - 2026.



**PHỤ LỤC QUYẾT ĐỊNH BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN  
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2024**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

| STT      | Tên cơ quan, đơn vị                                  | Biên chế năm 2024 | Ghi chú  |
|----------|------------------------------------------------------|-------------------|----------|
| <i>1</i> | <i>2</i>                                             | <i>3</i>          | <i>4</i> |
| <b>A</b> | <b>CẤP TỈNH</b>                                      | <b>944</b>        |          |
| 1        | Đại biểu Dân cử hoạt động chuyên trách tại HĐND tỉnh | 10                |          |
| 2        | Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh                     | 20                |          |
| 3        | Văn phòng UBND tỉnh                                  | 53                |          |
| 4        | Sở Nội vụ                                            | 60                |          |
| 5        | Thanh tra tỉnh                                       | 28                |          |
| 6        | Sở Tư pháp                                           | 27                |          |
| 7        | Sở Tài chính                                         | 41                |          |
| 8        | Sở Kế hoạch và Đầu tư                                | 37                |          |
| 9        | Sở Công Thương                                       | 33                |          |
| 10       | Sở Giao thông vận tải                                | 49                |          |
| 11       | Sở Thông tin và Truyền thông                         | 21                |          |
| 12       | Sở Xây dựng                                          | 49                |          |
| 13       | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn               | 184               |          |
| 14       | Sở Tài nguyên và Môi trường                          | 51                |          |
| 15       | Sở Khoa học và Công nghệ                             | 31                |          |
| 16       | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội                  | 42                |          |
| 17       | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                      | 37                |          |
| 18       | Sở Y tế                                              | 59                |          |
| 19       | Sở Giáo dục và Đào tạo                               | 47                |          |
| 20       | Ban Dân tộc                                          | 16                |          |
| 21       | Sở Ngoại vụ                                          | 16                |          |
| 22       | Ban Quản lý Khu kinh tế                              | 33                |          |

| STT               | Tên cơ quan, đơn vị      | Biên chế năm 2024 | Ghi chú  |
|-------------------|--------------------------|-------------------|----------|
| <i>1</i>          | <i>2</i>                 | <i>3</i>          | <i>4</i> |
| <b>B</b>          | <b>CẤP HUYỆN</b>         | <b>846</b>        |          |
| 1                 | UBND thành phố Đồng Xoài | 79                |          |
| 2                 | UBND thị xã Bình Long    | 75                |          |
| 3                 | UBND thị xã Phước Long   | 75                |          |
| 4                 | UBND thị xã Chơn Thành   | 77                |          |
| 5                 | UBND huyện Đồng Phú      | 77                |          |
| 6                 | UBND huyện Hớn Quản      | 74                |          |
| 7                 | UBND huyện Lộc Ninh      | 80                |          |
| 8                 | UBND huyện Bù Đốp        | 77                |          |
| 9                 | UBND huyện Bù Đăng       | 80                |          |
| 10                | UBND huyện Bù Gia Mập    | 77                |          |
| 11                | UBND huyện Phú Riềng     | 75                |          |
| <b>TỔNG (A+B)</b> |                          | <b>1,790</b>      |          |